|  |
| --- |
| **GÓI KHÁM SỨC KHỎE TỔNG QUÁT CƠ BẢN DÀNH CHO TRẺ EM** |
| **STT** | **Danh mục khám & xét nghiệm** | **Ý nghĩa** |
| **I** | **Khám** |  |
| 1 | Khám nhi tổng quát | Khám, kiểm tra và phát hiện các bệnh lý về sức khỏe |
| 2 | Khám nội soi Tai mũi họng | Phát hiện sớm các bệnh lý về Tai Mũi Họng, phát hiện ung thư vùng Tai Mũi Họng |
| 3 | Khám chuyên khoa Răng - Hàm -Mặt | Phát hiện những bất thường của RHM |
| **II** | **Chẩn đoán hình ảnh** |  |
| 4 | Siêu âm tổng quát ổ bụng | Phát hiện khối bất thường trong ổ bụng |
| **III** | **Cận lâm sàng** |  |
| 5 | Tổng phân tích máu 18 chỉ số | Phát hiện các bệnh lý về máu |
| 6 | Nước tiểu 10 thông số | Phát hiện viêm nhiễm hệ sinh dục, tiết niệu |
| 7 | Định lượng đường máu Glucose | Đánh giá nồng độ glucose máu để phát hiện các rối loạn chuyển hóa glucose (một số bệnh: đái tháo đường, theo dõi kết quả điều trị bệnh đái tháo đường…) |
| 8 | Định lượng Urê | Kiểm tra chức năng thận, tiết niệu. |
| 9 | Định lượng Creatinin |
| 10 | Đo hoạt độ AST (GOT) | Kiểm tra chức năng gan và các bệnh về gan (viêm gan cấp mạn , rối loạn chức năng gan….) |
| 11 | Đo hoạt độ ALT (GPT) |
| 12 | Định lượng Albumin | Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân, thăm dò và đánh giá các tình trạng bệnh lý mạn tính, thăm dò và đánh giá bệnh lý gan. |
| 13 | Định lượng Globulin |
| 14 | Định lượng Protein toàn phần |
| 15 | Định lượng Calci toàn phần | Đánh giá chức năng tuyến cận giáp và sự chuyển hoá canxi, cũng như chẩn đoán các bệnh: suy thận, ghép thận, cường cận giáp, và các bệnh ác tính khác. |
| 16 | Xét nghiệm phân + soi kính | Chẩn đoán các bệnh lý liên quan tới đường tiêu hóa |

Bác sĩ chuyên khoa khám và tư vấn bệnh lý Cơ xương khớp hoặc Thần kinh.